

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN KHÁNH DƯ

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	18/16	1 m ² /học sinh
II	Loại phòng học	18	
1	Phòng học kiên cố	18	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	Số điểm trường lẻ	0	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	1032	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	380	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	864	
2	Diện tích thư viện (m ²)	72	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	96	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	106	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	58	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	24	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	38	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	26	01 bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	23	
1.1	Khối lớp 1	5	
1.2	Khối lớp 2	5	
1.3	Khối lớp 3	0	
1.4	Khối lớp 4	5	
1.5	Khối lớp 5	5	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	3	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	41	01 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	21	01 thiết bị/lớp
1	Ti vi	0	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Bảng tương tác	4	
6	Máy chiếu	15	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Theo phòng học		
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1/1	0	4/4	0	0.3/0.3
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(* Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ Trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu-điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 1, ngày 12 tháng 8 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Phúc